

Số: 2808821

|                                                | PEUGEOT 408 GT         | Sorento Hybrid Signature     |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.269.000.000đ         | 1.247.000.000đ               |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                        |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510     | 4810 x 1900 x 1700           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                   | 2815                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                    | 176                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1500                   | 2090                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1950                   | 2650                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                    | 357                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                     | 67                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                      | 7                            |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước       | SX-LR trong nước             |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                        |                              |
| Loại động cơ                                   | 1,6T PureTech          | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                   | 1598                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500             | 227 Hp                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000             | 350 Nm                       |
| Hộp số                                         | 8AT                    | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)        | 2 cầu AWD                    |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson     | McPherson                    |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập            | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                    | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                    | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                                | 245/40 R20             | 235/55 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.09                  | 5.9 L/100km                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.64                   | 5.9 L/100km                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.93                   | 5.8 L/100km                  |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                      |                              |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport       | Eco/Sport/Smart              |
| Chế độ địa hình                                | -                      | Snow/Mud/Sand                |
| NGOẠI THẤT:                                    |                        |                              |
| Cụm đèn trước                                  | Matrix LED             | LED Projector                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                      |                              |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ● (Phân vùng ánh sáng) | ●                            |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                      |                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                      |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                      | ●                            |
| Đèn sương mù                                   | -                      | LED                          |
| Cụm đèn sau                                    | Nhận diện phiên bản GT | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                      | ●                            |
| Gạt mưa tự động                                | ●                      | ●                            |
| Cửa sổ trời                                    | ●                      | ●                            |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                        |                              |
| Vô lăng bọc da                                 | ● (Phong cách GT)      | ●                            |

| Chất liệu ghế                                   | Da Nappa     | Da                        |
|-------------------------------------------------|--------------|---------------------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -            |                           |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●            | ●                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●            | ●                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -            | ●                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●            |                           |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -            | ●                         |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | ●            | ●                         |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | ●            |                           |
| Tính năng cửa hít                               | -            |                           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●            | ●                         |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Digital 10   | 12.3"                     |
| Màn hình HUD                                    | -            | ●                         |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | Digital 10   | 10.25"                    |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●            | ●                         |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●            | ●                         |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2            | 2                         |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●            | ●                         |
| Chìa khóa thông minh                            | ●            | ●                         |
| Khởi động nút bấm                               | ●            | ●                         |
| Khởi động từ xa                                 | -            | ●                         |
| Hệ thống âm thanh                               | 10 loa Focal | 12 loa Bose               |
| Lấy chuyển số                                   | ●            | ●                         |
| Sạc không dây Qi                                | ●            | ●                         |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●            | ●                         |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -            | ●                         |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●            | ●                         |
| Rèm che nắng                                    | -            | ●                         |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●            | -                         |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |              |                           |
| Số túi khí                                      | 6            | 6                         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●            | ●                         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●            | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●            |                           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●            |                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●            | ●                         |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●            |                           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●            | ●                         |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau  | Trước & Sau               |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●            | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●            | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●            | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●            | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●            | ●                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●            |                           |

Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng



Hệ thống cảnh báo áp suất lốp



Camera lùi

● (360)

Camera 360